TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHÚ RIỀNG
TỈNH B PHƯỚC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: **18**/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 18/5/2018
V/v "Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ RIỀNG, TỈNH B PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: **Bà Đinh Thị Hải**
Các Hội thẩm nhân dân: **Ông Lê Trọng Tính**
Ông Phạm Văn Khuyến

- *Thư ký phiên tòa*: **Bà Vũ Thị Duyên** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Riềng, tỉnh **B** Phước.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Riềng, tỉnh **B** Phước tham gia phiên toà:* **Ông Đỗ Văn Quyết** - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 5 năm 2018, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Riềng xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 56/2018/TLST - HNGĐ ngày 17/3 /2017 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 15/2018/QĐXXST- HNGĐ ngày 02/4/2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 13/2018/QĐST-HNGĐ ngày 20/4/2018 giữa các đương sự:

**** Nguyên đơn:*** **Bà Đặng Thị H**, sinh năm 1973. Có mặt.

**** Bị đơn:*** **Ông Dương Minh B**, sinh năm 1965. Vắng mặt.

Cùng địa chỉ: Thôn **T**, xã **B**, huyện Phú Riềng, tỉnh **B** Phước

**** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:***

1. Ông Dương Minh **L**, sinh năm 1988
2. Bà Luân Thị **T**
3. Bà Dương Thị **V**, sinh năm 1998

Địa chỉ: Thôn **T**, xã **B**, huyện Phú Riềng, tỉnh **B** Phước

4. Bà Dương Thị **T**, sinh năm 1997

Địa chỉ: Khu phố P, thị xã P, tỉnh Bình Phước

5. Bà Dương Thị **N**, sinh năm 1994

Địa chỉ: Thôn T, xã **B**, huyện P, tỉnh Bình Phước.

Tất cả những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đều vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

***Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Đặng Thị H trình bày:**

- *Về quan hệ hôn nhân:* Bà và ông Dương Minh **B** chung sống với nhau vào năm 1993 trên cơ sở hoàn **T** tự nguyện, giữa hai người không làm thủ tục đăng ký kết hôn tại chính quyền địa phương.

Bà và ông **B** chung sống hạnh phúc đến năm 2011 thì phát sinh mâu thuẫn. Ông **B** có qua lại với người phụ nữ khác từ năm 2016, không còn quan tâm đến gia đình nữa. Bà đã tha thứ và khuyên nhủ nhiều lần nhưng ông **B** không nghe mà còn chửi bới, đánh đập bà. Do cuộc sống chung không hạnh phúc nên bà đề nghị Tòa án không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà và ông **B.**

- *Về con chung:* Vợ chồng bà có 03 con chung là: Dương Thị **N**, sinh năm 1994; Dương Thị **T**, sinh năm 1997 và Dương Thị **V**, sinh năm 1998. Cả 3 con chung đều đã trưởng thành nên bà không đề nghị Tòa án giải quyết.

- *Về tài sản chung:* Bà và ông **B** có tài sản chung sau:

+ 01 mảnh đất có diện tích 12.559m^2 tại thôn **T**, xã **B**, huyện Phú Riềng, tỉnh **B** Phước. Đất được UBND huyện P (nay là huyện Phú Riềng) cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 01/12/2004 cho bà và ông **B**. Đất có nguồn gốc: năm 1993, bà và ông **B** chung sống với nhau trên mảnh đất có diện tích 1.000m^2 tại thôn **T**, xã **B**, huyện P (nay là huyện Phú Riềng). Sau khi chung sống với nhau, bà và ông **B** tiến hành khai phá thêm đất xung quanh trong khoảng hơn 01 năm thì có diện tích 12.559m^2.

+ 01 mảnh đất có diện tích 250m^2 tại thôn C, xã P, huyện B. Nguồn gốc đất do vợ chồng bà nhận chuyển nhượng năm 2010 của ông Luân Văn M và bà Nông Thị K – địa chỉ: Thôn C, xã P, huyện B, tỉnh Bình Phước với giá 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng).

+ Tài sản trên đất gồm có: 01 ngôi nhà cấp 4 có diện tích 100m^2, xây gạch đỏ, tường 10, mái lợp tôn, nền lát gạch hoa, công trình phụ khép kín, xây từ năm 1998, giá trị nhà 80.000.000đ (Tám mươi triệu đồng); hàng rào bằng gạch đỏ, tường 10 xung quanh nhà xây năm 2013, giá trị 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng); 100 trụ tiêu trồng năm 1997; 300 cây cao su trồng năm 2012.

+ Các tài sản khác gồm: 01 xe ô tô tải Huynđai 2,5 tấn đã cũ, biển số 51C-38462; 01 xe ô tô tải Huynđai 1,5 tấn đã cũ, biển số 93C-02011; 01 xe mô tô Honđa Yamaha Sirus biển số 93T1-1484; 01 chiếc xe mô tô Exciter màu xanh của hãng Honda, biển số bao nhiêu bà không biết; 01 tivi Sony 38 in, 01 tủ lạnh Samsung, 01 bộ âm ly và loa thùng Sony.

Về nợ: Nợ Ngân hàng TMCP S – chi nhánh P số tiền 200.000.000đ (Hai trăm triệu đồng).

Trong quá trình giải quyết vụ án, bà H không yêu cầu Tòa án giải quyết chia tài sản chung là các tài sản sau: mảnh đất có diện tích 250m^2 tại thôn C, xã P, huyện B; 01 xe ô tô tải Huynđai 1,5 tấn đã cũ, biển số 93C-02011; 01 xe mô tô Honđa Yamaha Sirus biển số 93T1-1484; 01 chiếc xe mô tô Exciter màu xanh

của hãng Honđa, biển số bao nhiêu bà không biết; 100 trụ tiêu trồng năm 1997; 300 cây cao su trồng năm 2012. Bà H chỉ yêu cầu giải quyết các tài sản chung của bà và ông **B** là mảnh đất có diện tích 12.559m^2 tại thôn **T,** xã **B**, huyện Phú Riềng, tỉnh Bình Phước và tài sản trên đất gồm: ngôi nhà cấp 4 có diện tích 100m^2 và hàng rào gạch xây xung quanh nhà; 01 tivi Sony 38in và âm ly.

Quan điểm của bà H về tài sản chung: Ông B sử dụng quyền sử dụng đất và sở hữu **T** bộ các tài sản trên và có trách nhiệm thanh toán cho bà ½ giá trị tài sản.

*** Tại biên bản lấy lời khai ngày 27 tháng 3 năm 2018, bị đơn ông Dương Minh B trình bày:**

- *Về quan hệ hôn nhân:* Ông và bà H chung sống với nhau vào tháng 6/1994 trên cơ sở tự nguyện, không làm thủ tục đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật và cũng không tổ chức cưới hỏi theo phong tục truyền thống. Trước khi chung sống với bà H, ông đã có 01 đời vợ và có 01 người con trai riêng là Dương Minh **L** nhưng vợ chồng đã chia tay nhau từ khi con trai ông mới được 07 tháng tuổi, hiện vợ chồng con trai riêng sống chung với ông. Quá trình chung sống, ông và bà H không có mâu thuẫn gì nhưng bà H mâu thuẫn với vợ chồng con riêng của ông, bà H yêu cầu ông phải lựa chọn giữa con riêng của ông và bà H. Cách đây 02 năm, bà H thường xuyên bỏ nhà đi chơi qua đêm, nhiều lần tự ý bỏ ra ngoài ở vài tháng. Ông khuyên bảo nhiều nhưng bà H không thay đổi dẫn đến vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn cãi nhau. Ông không muốn vợ chồng chia tay, ông mong muốn vợ chồng đoàn tụ chung sống hạnh phúc.

Về con chung: Trong quá trình chung sống có 03 con chung là: Dương Thị **N**, sinh năm 1994, Dương Thị **T**, sinh năm 1997 và Dương Thị **V**, sinh năm 1998.

Cả 3 con chung đều đã trưởng thành nên ông không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Năm 2005, ông và bà H xây thêm 01 ngôi nhà ngang nối liền với ngôi nhà chính xây tháng 9/1993; chiếc xe tải Huynđai đời 1999, trọng lượng chở 1,25 tấn, giấy đăng ký xe mang tên ông trị giá khoảng 60.000.000 đồng; 01 tủ lạnh hiệu Sanyo đã cũ, 01 tivi Sony 19 in đã cũ, 01 xe mô tô Sirus đã cũ, 01 âm ly, loa thùng cũ.

Quan điểm của ông **B** về tài sản chung: Cho các tài sản chung trên cho các con là Dương Thị **N**, Dương Thị **T** và Dương Thị **V**, ông không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung

Về nợ: Nợ Ngân hàng S chi nhánh P số tiền 200.000.000 đồng, vay từ năm 2016.

Quan điểm của ông về số nợ trên: Ông và bà H mỗi người phải chịu trách nhiệm trả nợ một nửa.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Dương Thị **T trình bày:*

Chị là con gái của ông **B** và bà H. Chị xác nhận tài sản chung của bố mẹ chị gồm có: mảnh đất có diện tích 12.559m^2 tại thôn **T,** xã **B**, huyện Phú Riềng;

ngôi nhà cấp 4 có diện tích khoảng 100m^2 xây trên đất; 100 trụ tiêu đang thu hoạch; 300 cây cao su trồng năm 2012; 01 chiếc xe ô tô tải biển số 51C-384.62 và các tài sản sinh hoạt trong gia đình gồm: 02 chiếc xe máy hiệu Sirus và Exciter, 01 tivi Sony 43in mua năm 2014, 01 âm ly Sony và loa thùng mua cùng với tivi. **T** bộ các tài sản này do bố mẹ chị tạo dựng, chị không có công sức đóng góp gì. Đề nghị Tòa án chia tài sản cho mẹ chị công bằng.

Chị **T** có đơn đề nghị Tòa án giải quyết vụ án vắng mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Dương Thị **N trình bày:*

Chị là con gái của ông B và bà H. Đối với những tài sản chung của bố mẹ chị là 01 chiếc xe ô tô tải biển số 51C1-384.62; mảnh đất có diện tích 12.559m^2 tọa lạc tại thôn **T,** xã **B**, huyện Phú Riềng chị không có công sức đóng góp gì. Do đó, chị không có ý kiến về việc bà H yêu cầu Tòa án giải quyết chia tài sản chung với ông **B.**

Chị **N** có đơn đề nghị Tòa án giải quyết vụ án vắng mặt chị.

Trong vụ án còn có những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Anh Dương Minh **L** (con riêng của ông **B**), chị Luân Thị **T** (vợ anh **L**) và chị Dương Thị **V**. Mặc dù Tòa án đã triệu tập nhiều lần nhưng anh **L**, chị **T** và chị **V** đều không đến Tòa án làm việc, do đó, Tòa án không lấy được lời khai của anh **L**, chị **T** và chị **V.**

Ngày 03/4/2017, ông **B** có đơn yêu cầu luật sư Võ Đức T – Văn phòng luật sư Võ Đức T, Đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án. Ngày 03/4/2017, ông T đã xuất trình Đơn yêu cầu luật sư của ông **B**, Giấy giới thiệu luật sư tham gia tố tụng, bản sao Chứng chỉ hành nghề luật sư và bản sao thẻ luật sư của ông Võ Đức **T**. Tòa án nhân dân huyện Phú Riềng đã làm thủ tục vào sổ đăng ký công nhận ông **T** là người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông **B** theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên, ngày 13/3/2018, Tòa án nhân dân huyện Phú Riềng nhận được Công văn số 27/2018/CV-ĐLS ngày 12/3/2018 của Đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh có nội dung: Ban chủ nhiệm Đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh đã có Quyết định số 16/QĐKL-ĐLS ngày 02/12/2016 áp dụng hình thức kỷ luật xóa tên khỏi danh sách Đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh đối với luật sư Võ Đức **T**. Kể từ ngày 02/12/2016, ông **T** không còn đủ tư cách, điều kiện hành nghề luật sư theo quy định pháp luật. Kèm theo Công văn là bản phô tô Quyết định của Ban chủ nhiệm về việc xử lý kỷ luật luật sư số 16/QĐKL-ĐLS ngày 02/12/2016 của Đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh. Do đó, ngày 14/3/2018, Tòa án nhân dân huyện Phú Riềng đã ban hành Thông báo số 70/TB-TA, thông báo cho ông Dương Minh **B** biết ông Võ Đức **T** không đủ điều kiện làm người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông **B** theo quy định tại khoản 4 Điều 75 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Dương Minh **B** không hợp tác, gây khó khăn cho Tòa án: Ngày 27/3/2017, Thẩm phán lấy lời khai của ông **B** theo đề nghị của ông **B** do ông **B** không mang theo kính nên không viết được

bản tự khai. Sau khi lấy lời khai, Thẩm phán đọc lại Biên bản lấy lời khai cho ông **B** nghe, ông **B** công nhận biên bản đã ghi đúng lời khai nhưng ông **B** không chịu ký vào biên bản lấy lời khai. Tòa án nhiều lần triệu tập ông **B** đến Tòa án làm việc nhưng ông **B** không chấp hành theo giấy triệu tập. Do ông **B** và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh **L**, chị **T**, chị **V** không đến Tòa án làm việc nên Tòa án không tiến hành được thủ tục hòa giải theo quy định pháp luật.

Tòa án nhân dân huyện Phú Riềng tiến hành mở phiên tòa xét xử vụ án vào ngày 20/4/2018 nhưng ông **B**, anh **L**, chị **T** và chị **V** vắng mặt tại phiên tòa nên Hội đồng xét xử ra Quyết định hoãn phiên tòa, ấn định thời gian mở lại phiên tòa ngày 18/5/2018.

Tại phiên tòa, về quan hệ hôn nhân: nguyên đơn bà Đặng Thị H vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu Hội đồng xét xử không công nhận quan hệ vợ chồng với ông Dương Minh **B**. Về chia tài sản chung: Bà H rút một phần yêu cầu khởi kiện chia tài sản chung gồm: 01 mảnh đất có diện tích 250m^2 tại thôn Cây Da, xã Phú Văn, huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước; các tài sản trên mảnh đất có diện tích 12.559m2 tại thôn **T**, xã **B**, huyện Phú Riềng, tỉnh Bình Phước gồm: 01 ngôi nhà cấp 4, diện tích sử dụng 100m^2, hàng rào xây bằng gạch đỏ xung quanh nhà, 50 trụ tiêu trồng năm 1997, 50 trụ tiêu trồng năm 2001; 300 cây cao su trồng năm 2002; 01 xe ô tô tải Huynđai 2,5 tấn biển số 51C-38462, đời sản xuất năm 2003; 01 xe ô tô tải Huynđai 1,5 tấn biển số 93C- 02011; 01 xe mô tô Honđa Yamaha Sirus biển số 93T1-1584; 01 xe mô tô Exciter màu xanh biển số 93C-04953; 01 ti vi Sony 38 in và âm ly, loa thùng Sony mua năm 2014. Bà H chỉ yêu cầu Hội đồng xét xử chia tài sản chung của bà và ông **B** là mảnh đất có diện tích 12.559m^2 tại thôn **T**, xã **B**, huyện Phú Riềng, tỉnh Bình Phước, ông **B** sử dụng đất và thanh toán cho bà H ½ giá trị mảnh đất. Đối với các tài sản khác, bà H không yêu cầu Hội đồng xét xử xem xét giải quyết.

*** Kiểm sát viên trình bày tại phiên tòa:**

- *Về tố tụng:* Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Tòa án đã tiến hành đúng trình tự, thủ tục theo quy định pháp luật.

- *Về nội dung vụ án:* Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các điều 28, 35, 39, 14, 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; và các điều 9, 14, 33, 43 53 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Đặng Thị H: Xử không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Đặng Thị H và ông Dương Minh **B**. Ông **B** được quyền sử dụng mảnh đất có diện tích 12.559m^2 tại thôn **T**, xã **B**, huyện Phú Riềng, tỉnh **B** Phước và có trách nhiệm thanh toán cho bà Đặng Thị H ½ giá trị mảnh đất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

1. Về tố tụng: Đây là vụ án ly hôn do nguyên đơn bà Đặng Thị H làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án không công nhận quan hệ vợ chồng với bị đơn ông Dương Minh **B** theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình. Căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, do bị đơn có nơi cư trú tại xã **B**, huyện P, tỉnh Bình Phước nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân huyện Phú Riềng. Do đó, Tòa án nhân dân huyện Phú Riềng thụ lý giải quyết vụ án là đúng quy định pháp luật.

Bị đơn ông Dương Minh **B** và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Dương Minh **L**, chị Luân Thị **T** và chị Dương Thị **V** 2 lần vắng mặt tại phiên tòa nên căn cứ vào Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với bị đơn ông Dương Minh **B** và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Dương Minh **L**, chị Luân Thị **T** và chị Dương Thị **V** là đúng quy định pháp luật.

2. Về nội dung:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Đặng Thị H và ông Dương Minh **B** chung sống với nhau từ năm 1993 nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Do đó, hôn nhân giữa bà H và ông **B** đã vi phạm Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên không phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng theo quy định tại Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Do đó, Hội đồng xét xử không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Đặng Thị H và ông Dương Minh **B** theo quy định tại Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về con chung: Trong quá trình chung sống có 3 con chung là Dương Thị **N**, sinh năm 1994, Dương Thị **T**, sinh năm 1997 và Dương Thị **V**, sinh năm 1998.

Cả 3 con chung đều đã trưởng thành nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về tài sản chung: Theo trình bày của nguyên đơn bà Đặng Thị H thì tài sản chung của bà và ông **B** gồm có:

+ 01 mảnh đất có diện tích 12.559m^2 tại thôn **T**, xã **B**, huyện Phú Riềng, tỉnh Bình Phước. Đất được UBND huyện P (nay là huyện Phú Riềng) cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 01/12/2004 cho bà và ông **B**.

+ 01 mảnh đất có diện tích 250m^2 tại thôn C, xã P, huyện B.

+ Tài sản trên đất gồm có: 01 ngôi nhà cấp 4 có diện tích 100m^2, xây gạch đỏ, tường 10, mái lợp tôn, nền lát gạch H, công trình phụ khép kín, xây từ năm 1998; hàng rào bằng gạch đỏ, tường 10 xung quanh nhà xây năm 2013; 100 trụ tiêu trồng năm 1997; 300 cây cao su trồng năm 2012.

+ Các tài sản khác gồm: 01 xe ô tô tải Huynđai 2,5 tấn đã cũ, biển số 51C-38462; 01 xe ô tô tải Huynđai 1,5 tấn đã cũ, biển số 93C-02011; 01 xe mô tô Honđa Yamaha Sirus biển số 93T1-1484; 01 chiếc xe mô tô Exciter biển số 93C-04953; 01 tivi Sony 38 in, 01 tủ lạnh Samsung, 01 bộ âm ly và loa thùng Sony.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn bà H rút một phần yêu cầu khởi kiện về chia tài sản chung, gồm: 01 mảnh đất có diện tích 250m^2 tại thôn Cây Da, xã Phú Văn, huyện Bù Gia Mập, tỉnh **B** Phước; các tài sản trên mảnh đất có diện tích 12.559m2 tại thôn **T**, xã **B**, huyện Phú Riềng, tỉnh **B**ình Phước gồm: 01 ngôi nhà cấp 4, diện tích sử dụng 100m^2, hàng rào xây bằng gạch đỏ xung quanh nhà, 50 trụ tiêu trồng năm 1997, 50 trụ tiêu trồng năm 2001; 300 cây cao su trồng năm 2002; 01 xe ô tô tải Huynđai 2,5 tấn biển số 51C-38462, đời sản xuất năm 2003; 01 xe ô tô tải Huynđai 1,5 tấn biển số 93C- 02011; 01 xe mô tô Honđa Yamaha Sirus biển số 93T1-1584; 01 xe mô tô Exciter màu xanh biển số 93C-04953; 01 ti vi Sony 38 in và âm ly, loa thùng Sony mua năm 2014. Bà H chỉ yêu cầu Hội đồng xét xử chia tài sản chung của bà và ông **B** là mảnh đất có diện tích 12.559m^2 tại thôn **T**, xã **B**, huyện Phú Riềng, tỉnh **B** Phước, ông **B** sử dụng đất và thanh toán cho bà H ½ giá trị mảnh đất. Xét thấy, đây là sự tự nguyện của bà H nên Hội đồng xét xử ghi nhận và đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện về chia tài sản chung của bà H.

Tại Biên bản lấy lời khai ngày 27/3/2017, ông **B** không thừa nhận quyền sử dụng đất có diện tích 12.559m^2 tại thôn **T**, xã **B**, huyện Phú Riềng, tỉnh **B** Phước là tài sản chung của ông **B** và bà H. Ông **B** trình bày mảnh đất trên là tài sản riêng của ông, do mẹ ông là cụ Lưu Thị Tẹ (đã mất năm 2011) cho ông 8.000m^2 đất từ năm 1986, sau đó ông tự khai phá thêm được diện tích đất 12.559m^2.

Về nguồn gốc mảnh đất có diện tích 12.559m^2 tại thôn **T**, xã **B**, huyện Phú Riềng, đất được Ủy ban nhân dân huyện Phước **L** (cũ) cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 055413 ngày 01/12/2004 cho ông Dương Minh **B** và bà Đặng Thị H, Hội đồng xét xử xét thấy:

Theo hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với mảnh đất trên thì đất có nguồn gốc tự khai phá từ năm 1986 (Bút lục 82, 144), được Ủy ban nhân dân huyện Phước **L** (cũ) cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lần đầu năm 2002 đứng tên hộ ông Dương Minh **B**. Theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 633 ngày 22/3/2002, diện tích được cấp là 11.070m^2 (đo độc lập). Tháng 12/2004, ông **B** và bà H được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mới với diện tích được cấp là 12.559m^2 (đo chính quy). Diện tích đất chênh lệch giữa hai lần đo là do phương pháp đo, không phải do gia đình ông **B** khai phá thêm, hình thể thửa đất giữa hai lần cấp sổ vẫn giữ nguyên không thay đổi. Do đó, có đủ căn cứ xác định quyền sử dụng đất trên là tài sản của ông **B**, có từ trước khi ông **B** chung sống với bà H. Tuy nhiên, tháng 3/2002, mảnh đất trên được Ủy ban nhân dân huyện Phước **L** (cũ) cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông Dương Minh **B** và đến tháng 12/2004, được cấp mới Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên ông **B** và bà H sau khi tiến hành đo đạc chính quy mảnh đất. Như vậy, trong quá trình chung sống, ông **B** đã tự nguyện đưa mảnh đất trên vào là tài sản chung với bà H. Mặt khác, theo kết quả xác minh tại địa phương thì sau

khi ông **B** và bà H chung sống với nhau, ông **B** và bà H đã tạo dựng được nhiều tài sản trên đất: xây nhà, trồng cây…Do đó, bà H có công sức duy trì, tôn tạo và làm tăng giá trị quyền sử dụng đất. Tuy nhiên, xét thấy mảnh đất trên có nguồn gốc ban đầu là của ông **B** nên ông **B** có công sức đóng góp vào khối tài sản chung nhiều hơn bà H, do đó Hội đồng xét xử xác định bà H được hưởng 40% giá trị mảnh đất là phù hợp với quy định tại điểm b khoản 2 Điều 59 Luật Hôn nhân và gia đình. Do đó, quan điểm của đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử cho bà H được hưởng 50% giá trị mảnh đất là không phù hợp.

Ngày 18/8/2017, Tòa án cùng với đại diện chính quyền địa phương tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ đối với tài sản của ông **B** và bà H, đồng thời Hội đồng định giá tiến hành định giá các tài sản bà H yêu cầu Tòa án giải quyết nhưng ông **B** ngăn cản không cho cán bộ Tòa án cùng với đại diện chính quyền địa phương và Hội đồng định giá vào nhà để làm việc. Do đó, Tòa án không thực hiện được việc xem xét thẩm định tại chỗ đối với các tài sản tranh chấp của ông **B**, bà H nên không xác định được các tài sản trên đất của ông **B** và bà H gồm có những tài sản gì và Hội đồng định giá cũng không tiến hành định giá được các tài sản tranh chấp. Do đó, Tòa án yêu cầu bà H tự định giá tài sản theo Thông tư liên tịch số 02/2014/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP-BTC ngày 28/3/2014 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ tư pháp, Bộ tài chính. Ngày 11/01/2018, bà H có Biên bản tự định giá tài sản đối với những tài sản chung. Theo Biên bản tự định giá của bà H, bà H xác định mảnh đất có diện tích 12.559m^2 tại thôn **T**, xã **B**, huyện Phú Riềng, tỉnh Bình Phước có giá 15.000.000 đồng/m ngang. Hội đồng xét xử xét thấy giá đất bà H đưa ra phù hợp với giá thị trường nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Chiều ngang mảnh đất thể hiện trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 055413 do Ủy ban nhân dân huyện P (cũ) cấp cho ông Dương Minh **B** và bà Đặng Thị H ngày 01/12/2004 là 54 m x 15.000.0000 đồng/m ngang = 810.000.000 đồng.

Bà H đề nghị Tòa án giải quyết chia tài sản cho bà bằng tiền, ông **B** được quyền sử dụng mảnh đất. Xét đề nghị của bà H là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà H.

Về nợ chung: Trong quá trình giải quyết vụ án, ông **B** và bà H khai ông bà có vay nợ Ngân hàng Thương mại cổ phần S - chi nhánh **B** – Phòng giao dịch P số tiền 200.000.000đ (hai trăm triệu đồng). Ngày 30/3/2017, Tòa án nhân dân huyện Phú Riềng nhận được Công văn số 67/2017/PGDPL xác định ông **B**, bà H đã trả **T** bộ số tiền nợ trên vào ngày 20/3/2017. Do đó, Hội đồng xét xử xác định ông **B** và bà H không có nợ chung cần giải quyết trong vụ án.

Về chi phí thẩm định, định giá tài sản là 1.150.000 đồng. Mặc dù ông **B** gây khó khăn nên Tòa án và chính quyền địa phương, Hội đồng định giá tài sản không thực hiện được việc xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản nhưng đây là chi phí để đại diện chính quyền địa phương và Hội đồng định giá đến nhà ông **B** và bà H làm việc. Bà H và ông **B** mỗi người phải chịu ½ số tiền trên, cụ thể:

bà H phải chịu 575.000 đồng, ông **B** phải chịu 575.000 đồng. Bà H đã thanh toán **T** bộ số tiền trên, do đó ông **B** có nghĩa vụ trả lại cho bà H 575.000 đồng.

Đối với những tài sản khác bà H không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà H và ông **B** phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng: Điều 9, Điều 14, Điều 33, Điều 43, Điều 53, Điều 59 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị Quyết số 326/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức án phí, lệ phí Toà án.

Tuyên xử:

1. Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Đặng Thị H và ông Dương Minh **B.**

2. Về tài sản: Ông Dương Minh **B** được quyền sử dụng mảnh đất có diện tích 12.559m^2 tại thôn **T,** xã **B**, huyện Phú Riềng, đất được Ủy ban nhân dân huyện P (cũ) cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Đ 055413 ngày 01/12/2004, trị giá 810.000.000 (Tám trăm mười triệu) đồng.

Ông **B** có trách nhiệm thanh toán cho bà H 320.400.000đ (Ba trăm hai mươi triệu bốn trăm nghìn đồng) tiền chênh lệch tài sản chung.

3. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện về chia tài sản chung gồm: 01 mảnh đất có diện tích 250m^2 tại thôn C, xã P, huyện B, tỉnh Bình Phước; các tài sản trên mảnh đất có diện tích 12.559m2 tại thôn **T,** xã **B**, huyện P, tỉnh Bình Phước gồm: 01 ngôi nhà cấp 4, diện tích sử dụng 100m^2, hàng rào xây bằng gạch đỏ xung quanh nhà, 50 trụ tiêu trồng năm 1997, 50 trụ tiêu trồng năm 2001; 300 cây cao su trồng năm 2002; 01 xe ô tô tải Huynđai 2,5 tấn biển số 51C-38462, đời sản xuất năm 2003; 01 xe ô tô tải Huynđai 1,5 tấn biển số 93C- 02011; 01 xe mô tô Honđa Yamaha Sirus biển số 93T1-1584; 01 xe mô tô Exciter màu xanh biển số 93C-04953; 01 ti vi Sony 38 in và âm ly, loa thùng Sony mua năm 2014.

4. Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản là 1.150.000 đồng. Bà H và ông **B** mỗi người phải chịu ½ số tiền trên là 575.000 đồng. Bà H đã nộp **T** bộ số tiền 1.150.000 đồng. Ông **B** phải có nghĩa vụ trả lại bà H số tiền 575.000 đồng.

Các vấn đề khác đương sự không yêu cầu tòa giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và bà H có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông **B** chưa thực hiện nghĩa vụ trả tiền nêu trên thì còn phải chịu lãi suất

quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành án.

5. *Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm:* Bà Đặng Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn và 16.020.000 (mười sáu triệu không trăm hai mươi nghìn) đồng án phí chia tài sản, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 16.300.000 (Mười sáu triệu ba trăm ngàn đồng) theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 025742 ngày 17/3/2017 của Chi cục thi hành án huyện Phú Riềng, tỉnh **B** Phước. Bà H còn phải nộp thêm 20.000 (hai mươi nghìn đồng) tiền án phí.

Ông Dương Minh **B** phải chịu số tiền án phí chia tài sản là 24.480.000 (Hai mươi bốn triệu bốn trăm tám mươi nghìn) đồng.

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn và những người có quyền, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, quyền tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ
(Đã ký)

Đinh Thị Hải

Nơi nhận:
- *VKSND H. Phú Riềng;*
- *TAND tỉnh **B** Phước;*
- *Chi cục THADS H. Phú Riềng;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu hồ sơ vụ án.*